TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HNGĐ - PT
Ngày 25 - 12 - 2019
V/v kiện xin ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán: Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tiến Hùng.

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn San và ông Nguyễn Quốc Trưởng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2019/TLPT-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2019 về việc "Kiện xin ly hôn, nuôi con chung".

Do bản án hôn nhân và gia đình số 28/2019/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 13/2019/QĐ - PT ngày 11 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ninh Thị T, sinh năm 1988; Nơi ĐKNKTT: Thôn 1, xã Q, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa; Chỗ ở hiện nay: Tổ 20, phường A, quận S, thành phố Đ (K16/07 H, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng).

Bị đơn: Anh Phạm Thanh H, sinh năm 1979; Địa chỉ: Khu tái định cư, tổ dân phố Đ, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Tại phiên toà có mặt anh H, chị T có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai của các đương sự, vụ án tóm tắt như sau:

- Về hôn nhân: Chị Ninh Thị T và anh Phạm Thanh H kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không có sự ép buộc của hai bên gia đình, anh chị đăng ký kết hôn ngày 17/11/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn

cuộc sống của vợ chồng không hạnh phúc vì bất đồng quan điểm sống. Nguyên nhân là do anh H có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Chị T nhận thấy anh Hải là người chồng quan tâm đến gia đình nhưng chỉ quan tâm vì trách nhiệm chứ không có tình cảm dành cho chị nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau thậm chí nhiều lần anh Hải còn đánh chị và dùng những lời lẽ gây tổn thương cả về mặt tinh thần lẫn thể chất đối với chị. Sau những lần mâu thuẫn vợ chồng đã nhiều lần ngồi nói chuyện với nhau để tìm cách giải quyết, hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Do cuộc sống không hạnh phúc nên chị đã chủ động sống ly thân từ tháng 9/2018 đến nay, mỗi người làm ăn và sinh sống một nơi, không quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là các cháu: Cháu Phạm Hải A, sinh ngày 26/7/2010 và cháu Phạm Hải Y, sinh ngày 25/02/2013. Hiện cháu Hải A đang sống cùng ông bà nội tại xã Q, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa; cháu Hải Y đang ở với anh H ở tổ dân phố Đ, phường L, thành phố P. Khi vợ chồng ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Hải Y, giao cháu Hải A cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị. Con nuôi, con riêng: Không có.

- Về tài sản, công nợ chung của vợ chồng và các vấn đề khác: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Phạm Thanh H trình bày:

- Về hôn nhân: Anh nhất trí với chị T về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn như lời khai của chị T là đúng. Theo anh Hải sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Đến khoảng tháng 9/2018 anh H phát hiện chị T có quan hệ ngoại tình thông qua việc anh H đọc được các tin nhắn có nội dung tình cảm của chị Thảo với người đàn ông khác. Sau sự việc đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ nhau, xúc phạm nhau nặng lời và chị T đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Thanh Hóa sinh sống từ tháng 9/2018, sau đó vào Đà Nẵng sinh sống cho đến nay.Trong thời gian vợ chồng sống ly thân anh H vẫn liên lạc với chị T nhưng vợ chồng không nói chuyện được với nhau, đến ngày 01/5/2019 thì vợ chồng không còn liên lạc với nhau nữa. Nay chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn anh H nhận thấy tình cảm anh dành cho chị T vẫn còn, anh muốn vợ chồng về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dậy con chung, vì vậy anh H không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như chị T khai là đúng. Nếu vợ chồng phải ly hôn anh H có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung là cháu Phạm Hải A và cháu Phạm Hải Y. Anh H không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh.

Từ những nội dung trên, bản án hôn nhân và gia đình số 28/2019/HNGĐ - ST ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý đã quyết

định: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 143; Điều 144; Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 51; 54; 56; 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Căn cứ Nghị Quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụngán phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử ly hôn giữa chị Ninh Thị T và anh Phạm Thanh H.

2/ Về con chung: Giao chị Ninh Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Phạm Hải Y, sinh ngày 25/02/2013 cho đến khi cháu Hải Y đủ 18 tuổi. Giao anh Phạm Thanh H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng vàgiáo dục con chung là cháu Phạm Hải A, sinh ngày 26/7/2010 cho đến khi cháu Hải A đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 18 tháng 9 năm 2019, anh Phạm Thanh H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết cho anh chị về đoàn tụ, cùng chăm sóc con chung. Nếu phải ly hôn thì đề nghị Tòa án giao cho anh nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của BLTTDS 2015.

- Về yêu cầu kháng cáo của anh Phạm Thanh H: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Bác kháng cáo của anh H và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị T và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyên, tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại ngày 17/11/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Nay chị T

xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn. Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý thụ lý vụ án ly hôn để giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng pháp luật.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Xét kháng cáo của anh Phạm Thanh H xin được đoàn tụ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vợ chồng chị T, anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã sinh được hai con chung. Tuy nhiên khi về chung sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ thậm chí xúc phạm nhau; vợ chồng không còn tin tưởng nhau, cả hai luôn sống trong nghi ngờ về sự chung thủy của nhau. Khi cuộc sống hôn nhân trở nên căng thẳng, bế tắc, không có tiếng nói chung chị T đã lựa chọn sống ly thân, trong thời gian sống ly thân từ tháng 9/2018 đến nay vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Anh H không đồng ý ly hôn vì cho rằng vẫn còn tình cảm với chị T và mong muốn đoàn tụ để nuôi dạy con chung, tuy nhiên anh H không đưa ra được cách thức cải thiện mối quan hệ tình cảm hiện tại để vợ chồng có khả năng về đoàn tụ. Về phía chị T tại giai đoạn sơ thẩm và phúc thẩm đều khẳng định từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, chị T đã tìm công việc làm ăn và sinh sống ổn định tại Đà Nẵng; chị không muốn hàn gắn để chung sống cùng anh H nữa, đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn kháng cáo của anh H, giải quyết cho chị được ly hôn. Xét thấy hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy việc Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý xử ly hôn giữa chị Ninh Thị T và anh Phạm Thanh H là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên vậy kháng cáo của anh H không có căn cứ được HĐXX chấp nhận

Xét kháng cáo xin được nuôi cả hai con chung của anh H, cấp phúc thẩm thấy: Vợ chồng có 02 con chung là các cháu Phạm Hải A (con trai), sinh ngày 26/7/2010 và cháu Phạm Hải Y (con gái), sinh ngày 25/02/2013. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Hải Y, anh H có nguyện vọng được nuôi dưỡng chăm sóc cả hai con chung. Xét nguyện vọng nuôi con chung của cả chị Thảo và anh Hải tòa thấy: Hiện chị Thảo và anh Hải đang sống ly thân, cháu Hải Y đang ở với bố, còn cháu Hải A đang ở với ông bà nội rất cần sự quan tâm chăm sóc của bố hoặc mẹ. Nguyện vọng được nuôi dưỡng và chăm sóc con chung của chị Thảo và anh Hải đều chính đáng, vừa là quyền và là trách nhiệm của những người làm cha làm mẹ. Quá trình giải quyết ly hôn chị T đã nộp các tài liệu chứng cứ chứng minh điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu, cần giao cháu Hải Y (con gái) cho chị Thảo nuôi dưỡng, giao cháu Hải A (con trai) cho anh H chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp pháp luật. Do vậy không chấp nhận kháng cáo của anh H.

[3] Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

- Án phí ly hôn phúc thẩm: Anh H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số số 28/2019/HNGĐ - ST ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý về việc "kiện ly hôn, nuôi con chung".

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 143; Điều144; Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 51; 54; 56; 58; 81; 82; 83 củaLuật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Căn cứ Nghị Quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử ly hôn giữa chị Ninh Thị T và anh Phạm Thanh H

2. Về con chung: Giao chị Ninh Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Phạm Hải Y (con gái), sinh ngày 25/02/2013 cho đến khi cháu Phạm Hải Y đủ 18 tuổi. Giao anh Phạm Thanh H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Phạm Hải A (con trai), sinh ngày 26/7/2010 cho đến khi cháu Phạm Hải A đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

4. Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Ninh Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Chị T được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2015/0002099 ngày 22/5/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý. Chị T đã nộp đủ án phí.

- Án phí ly hôn phúc thẩm: Anh Phạm Thanh H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002233 ngày 26 tháng 9 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ lý, tỉnh Hà Nam. Anh H đã thi hành xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- TAND TP Phủ Lý;
- Chi cục THADS TP Phủ Lý;
- Các đương sự;
- UBND xã Q;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đinh Tiến Hùng